TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1113**/2022/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 29 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 568/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa:

- ***Nguyên đơn***: Ông Trần Nguyễn Anh T, sinh năm 1986; HKTT: 45/9/23 H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1987; HKTT: 45/9/23 H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Tuyết L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Tuyết L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2012, quyển số 01/2012 ngày 26/3/2012 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông T và bà L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có một con chung tên Trần Thụy V, sinh ngày 07/10/2012. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 10 năm 2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L, nếu ông T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông Trần Nguyễn Anh T. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L không có yêu cầu phản tố phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại vụ án (đối với tài sản chung của vợ chồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm là: Án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng do ông Trần Nguyễn Anh T chịu, tất cả được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông T đã nộp theo

Biên lai thu số 0035606 ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn lại cho ông Trần Nguyễn Anh T số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 (mười hai triệu) đồng mà ông Tuấn đã nộp theo Biên lai thu số 0035605 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Chinh